

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-ST

Ngày: 08-5-2020

V/v: “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH QUẢNG NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Tiến Cường.

- Ông Nguyễn Hữu Tin.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 12 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần A. Địa chỉ: 170 H, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Tấn Q – Trưởng phòng khách hàng cá nhân - Ngân hàng TMCP A chi nhánh Quảng Nam.

- Đồng bị đơn: Bà Trần Thị K, sinh năm 1970 và ông Lê X, sinh năm 1971. Cùng trú tại: Khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Q, bà K có mặt, ông X vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 10 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Lê X, bà Trần Thị K có ký hợp đồng vay hạn mức số 34/18/TD/XXVII, Theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần A có cho ông X, bà K vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc cuối kỳ, lãi hàng tháng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Lê X, bà Trần Thị K đã ký hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tọa lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 681432 ngày 22-01-2013 cấp cho ông Lê X và bà Trần Thị K. Hợp đồng thế chấp trên được Công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Nam ngày 07-02-2018 và đã được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Nam – Chi nhánh thành phố Tam Kỳ ngày 07-02-2018.

Tính đến nay ông Lê X và bà Trần Thị K còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 186.818.767 đồng tiền nợ, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 08-5-2020 là 36.818.767, ông Lê X và bà Trần Thị K không chịu trả nợ mặc dù được ngân hàng yêu cầu trả nợ nhiều lần.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê X và bà Trần Thị K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 08-5-2020 là 186.818.767 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 08-5-2020 là 36.818.767 đồng, lãi suất tiếp theo theo hợp đồng vay cho đến khi thanh toán hết nợ. Trong trường hợp bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Lê X, bà Trần Thị K không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm mà ông Lê X, bà Trần Thị K đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018 để thu hồi nợ.

- Đồng bị đơn bà Trần Thị K trình bày :

Bà K đồng ý ngày 07-02-2018 bà và ông Lê X có ký hợp đồng vay vốn số 34/18/TC/XXVII, Theo đó Ngân hàng Thương mại cổ phần A có cho vợ chồng bà vay số tiền gốc là 150.000.000 đồng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc cuối kỳ, lãi hàng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được ký kết theo hợp đồng thế chấp như đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A trình bày. Khi ký hợp đồng vay vốn mặc dù mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh nhưng bà và ông X đều không có Giấy phép đăng ký kinh doanh, việc vay vốn là để phục vụ việc làm ăn, mua bán nhỏ lẻ. Sau khi vay vốn do làm ăn gặp khó khăn nên bà và ông X chưa có tiền trả cho Ngân hàng. Do có mâu thuẫn trong gia đình nên ngày 20-8-2018 bà và ông X đã ly hôn. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ bà đồng ý trả nhưng yêu cầu xem xét giảm bớt tiền lãi.

Ông Lê X đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia giải quyết vụ án và không đến tham dự phiên tòa nên không có lời trình bày về việc vay nợ của

ông.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn, bị đơn bà Trần Thị K là đúng pháp luật, đối với bị đơn ông Lê X là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn khởi kiện đối với ông Lê X và bà Trần Thị K, hiện trú tại: khối phố 4, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam, lý do khởi kiện là bị đơn không trả khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thừa nhận bị đơn không có Đăng ký kinh doanh, việc vay vốn là nhằm phục vụ việc kinh doanh cá nhân, làm ăn, mua bán nhỏ trong gia đình nên Tòa án nhân dân thành phố T đã có Thông báo chuyển vụ án, chuyển từ giải quyết vụ án Kinh doanh thương mại sang giải quyết vụ án Dân sự.

[1.2] Ông Lê X là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Lê X và bà Trần Thị K thì thấy rằng: Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng cho vay hạn mức số 34/2018/TD/XXVII ngày 07 tháng 02 năm 2018 và Giấy nhận nợ ngày 08 tháng 02 năm 2018 có thể hiện rõ Ngân hàng Thương mại cổ phần A cho ông X, bà K vay số tiền gốc 150.000.000đồng, lãi suất 9.5%/năm, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng và thỏa thuận trả nợ gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng, do vậy hợp đồng có hiệu lực. Hợp đồng đến nay đã quá hạn, đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần A đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp đôn đốc thanh toán nhưng ông X, bà K không chịu trả nợ theo như thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc nguyên đơn khởi kiện ông X, bà K yêu cầu trả

toàn bộ nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi tính đến hết ngày 08-5-2020 là 36.818.767 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 92 Luật các Tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Khi ký kết hợp đồng vay vốn ông Lê X và bà Trần Thị K là vợ chồng. Hiện nay ông Lê X và bà Trần Thị K đã ly hôn (Bản án số 270/2018/HNGĐ-ST ngày 20-8-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T - bản án đã có hiệu lực pháp luật) nhưng trong bản án thể hiện về tài sản chung và nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét và đến thời điểm hiện nay ông X, bà K vẫn chưa thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, do vậy cần buộc ông X, bà K mỗi người phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn một nửa số nợ trên là 75.000.000 đồng nợ gốc và 18.409.383 đồng nợ lãi tính đến hết ngày 08-5-2020 và tiếp tục trả lãi cho đến khi hết nợ.

Xét hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018 được ký kết giữa ông Lê X, bà Trần Thị K và Ngân hàng TMCP A- Chi nhánh Quảng Nam, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Việc ký kết hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và ngôi nhà gắn liền với đất tọa lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 681432 ngày 22-01-2013 cấp cho ông Lê X và bà Trần Thị K là do sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và Hợp đồng thế chấp này được Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng có hiệu lực.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-02-2020 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền ông X, bà K đã thế chấp gồm: Diện tích đất tại thửa số 5, tờ bản đồ số 21 phường A, thành phố T là 97,08m², chênh lệch thửa so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 681432 ngày 22-01-2013 cấp cho ông Lê X và bà Trần Thị K (96,7m²), tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 06-3-2020 thì sự chênh lệch này là do sai số trong quá trình đo đạc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của đương sự; Tài sản gắn liền là nhà 02 tầng, mái lợp tôn, la phòng nhựa, nền gạch men (Chất lượng còn lại là 70%), diện tích tầng 01 là 86,88m², diện tích tầng 02 là 92,20m², sân nền đất diện tích 10,2m², tường rào phía trước dài 2,33m, cao 1,7m.

Sau khi ký kết các hợp đồng với Ngân hàng, bị đơn đã không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ, đã vi phạm hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

Trường hợp ông X, bà K không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản hợp pháp của ông Lê X, bà Trần Thị K để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 681432 ngày 22-01-2013 cấp cho ông Lê X và bà Trần Thị K theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-02-2020.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông X, bà K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 400.000 đồng, ông X và bà K mỗi người phải chịu một nửa số tiền trên. Số tiền này Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng do vậy ông Lê X, bà Trần Thị K mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 200.000 đồng.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 401, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 33, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với đồng bị đơn ông Lê X, bà Trần Thị K.

Buộc ông Lê X, bà Trần Thị K mỗi người phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền 93.409.383 đồng, trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng và nợ lãi tính đến hết ngày 08-5-2020 là 18.409.383 đồng.

Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 09-5-2020 cho đến khi ông Lê X, bà Trần Thị K trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 34/2018/TD/XXVII ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Trường hợp ông Lê X, bà Trần Thị K không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản hợp pháp của ông Lê X, bà Trần Thị K để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL 681432 ngày 22-01-2013 do UBND thành phố T cấp cho ông Lê X và bà Trần Thị K theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 34/18/TC/XXVII ngày 07-02-2018 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20-02-2020 gồm diện tích đất 97,08m² tại thửa số 5, tờ bản đồ số 21, tài sản gắn liền là nhà 02 tầng, mái lợp tôn, la phong nhựa, nền gạch men (Chất lượng còn lại là 70%), diện tích tầng 01 là 86,88m², diện tích tầng 02 là 92,20m², sân nền đất diện tích 10,2m², tường rào phía trước dài 2,33m, cao 1,7m.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm 9.340.938 đồng (*Chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn chín trăm ba mươi tám đồng*), ông Lê X, bà Trần Thị K mỗi người phải chịu 4.670.469 đồng (*Bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm sáu mươi chín đồng*).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí 8.534.000 đồng (*Tám triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000022 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: 400.000 đồng, ông X và bà K mỗi người phải chịu một nửa số tiền trên. Số tiền này Ngân hàng TMCP A đã nộp tạm ứng do vậy ông Lê X, bà Trần Thị K mỗi người phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 200.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê X, bà Trần Thị K không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp T;
- Chi cục THADS tp T;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Huỳnh Lý